

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Bù Đăng, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương
năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng về việc thông qua quyết định chủ trương đầu tư các dự án trọng điểm nhóm C thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng về việc thông qua dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng về việc thông qua danh mục bổ sung thuộc kế

hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng về việc thông qua danh mục bổ sung (lần 2) thuộc kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng về việc thông qua danh mục bổ sung thuộc kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày tháng năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện nhất trí thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021, với các nội dung như sau:

(i) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công: **115.900 triệu đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm mười lăm tỷ, chín trăm triệu đồng).

Trong đó:

- Vốn phân cấp: 30.000 triệu đồng.
- Vốn sử dụng đất: 85.900 triệu đồng.
- + Khối huyện: 71.300 triệu đồng.
- + Khối xã: 14.600 triệu đồng.

(ii) Vốn đầu tư công cấp huyện: 101.300 triệu đồng.

Trong đó:

- TTKL các công trình chuyển tiếp: 55.400 triệu đồng.
- Các công trình khởi công mới: 42.400 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư năm 2022: 2.500 triệu đồng.
- Thanh toán các công trình quyết toán: 1.000 triệu đồng.

Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực giáo dục: 83.900 triệu đồng.
- Lĩnh vực giao thông: 6.400 triệu đồng.
- Lĩnh vực hành chính: 7.500 triệu đồng.

- Lĩnh vực khác:

3.500 triệu đồng.

(Kèm theo Bảng kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng khóa VI, Kỳ họp thứ Mười ba thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Tổ đại biểu HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Ban biên tập website huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2020 của HĐND huyện Bù Đăng)

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Số, ngày, tháng, năm quyết định | Tổng mức đầu tư | Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020 | Kế hoạch vốn năm 2021 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|------------|--|-------------------|---------------------------------|-----------------|------------------------------------|-----------------------|------------|---------|
| | TỔNG CỘNG | | | 241.949 | 67.440 | 115.900 | - | |
| | VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | | | 241.949 | 67.440 | 115.900 | | |
| A | VỐN PHÂN CẤP | | | 60.492 | 22.804 | 30.000 | | |
| I | TTKL các công trình năm 2020 chuyển tiếp | | | 45.372 | 22.804 | 17.400 | | |
| a | Lĩnh vực giáo dục | | | 41.417 | 22.685 | 15.000 | | |
| 1 | Xây dựng khối 10 phòng học lầu và các hạng mục phụ Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước | Nghĩa Trung | 1911/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 | 9.617 | 7.185 | 2.000 | BQLDAĐT XD | |
| 2 | Xây dựng Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. | Nghĩa Trung | 1912/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 | 16.800 | 7.000 | 8.000 | BQLDAĐT XD | |
| 3 | Xây dựng khối hiệu bộ, các phòng chức năng Trường THCS Bình Minh. | Bình Minh | 1913/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 | 15.000 | 8.500 | 5.000 | BQLDAĐT XD | |
| b | Lĩnh vực giao thông | | | 3.955 | 119 | 2.400 | | |
| 1 | Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường D1 nối dài | Đức Phong | 1949/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 | 3.955 | 119 | 2.400 | BQLDAĐT XD | |
| II | Chuẩn bị đầu tư năm 2022 | | | | | 2.500 | BQLDAĐT XD | |
| III | Thanh toán các công trình quyết toán | | | | | 1.000 | TC-KH | |
| IV | Các công trình khởi công mới năm 2021 | | | 15.120 | - | 9.100 | | |
| a | Lĩnh vực giáo dục | | | 15.120 | - | 9.100 | | |
| 1 | Xây dựng 10 phòng lầu Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái (điểm thôn 5), xã Đồng Nai | Đồng Nai | | 6.000 | | 3.000 | BQLDAĐT XD | |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Số, ngày, tháng, năm quyết định | Tổng mức đầu tư | Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020 | Kế hoạch vốn năm 2021 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----------|--|-------------------|---------------------------------|-----------------|------------------------------------|-----------------------|------------|---------|
| 2 | Xây dựng 2 phòng học, 2 phòng chức năng (điểm Sơn Thọ) Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn | Thọ Sơn | | 2.400 | | 1.600 | BQLDAĐT XD | |
| 3 | Xây dựng 6 phòng lầu Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau | Đăk Nhau | | 3.600 | | 2.500 | BQLDAĐT XD | |
| 4 | Mua sắm trang thiết bị Khô phòng học cấp II xã Bom Bo, huyện Bù Đăng | Bom Bo | | 3.120 | | 2.000 | BQLDAĐT XD | |
| B | VỐN SỬ DỤNG ĐẤT | | | 181.457 | 44.636 | 71.300 | | |
| I | TTKL các công trình năm 2020 chuyển tiếp | | | 106.357 | 44.636 | 38.000 | | |
| a | Lĩnh vực giáo dục | | | 93.500 | 34.636 | 36.000 | | |
| 1 | Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới). | Bình Minh | 1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 | 23.500 | 9.636 | 10.000 | BQLDAĐT XD | |
| 2 | Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. | Nghĩa Trung | 1898/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 | 20.000 | 7.000 | 7.500 | BQLDAĐT XD | |
| 3 | Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường MG Hoa Mai. | Bình Minh | 1909/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 | 20.000 | 8.000 | 7.500 | BQLDAĐT XD | |
| 4 | Xây dựng mới Trường TH Nguyễn Bá Ngọc | Minh Hưng | 1910/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 | 30.000 | 10.000 | 11.000 | BQLDAĐT XD | |
| b | Lĩnh vực giao thông | | | 12.857 | 10.000 | 2.000 | | |
| 1 | Xây dựng đường thâm nhập nhựa thôn 4 xã Bình Minh đi Bom Bo (khu 24) | Bình Minh | 1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 | 12.857 | 10.000 | 2.000 | BQLDAĐT XD | |
| II | Các công trình khởi công mới năm 2021 | | | 75.100 | - | 33.300 | | |
| a | Lĩnh vực giáo dục | | | 55.100 | - | 23.800 | | |
| 1 | Xây dựng 8 phòng học lầu Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo | Bom Bo | | 4.800 | | 2.200 | BQLDAĐT XD | |
| 2 | Xây dựng 04 phòng học (điểm chính), 02 phòng học (điểm thôn 6), 02 phòng học (điểm thôn 8) Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh. | Phước Sơn | | 4.800 | | 2.200 | BQLDAĐT XD | |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Số, ngày, tháng, năm quyết định | Tổng mức đầu tư | Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020 | Kế hoạch vốn năm 2021 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|----------|--|-------------------|---------------------------------|-----------------|------------------------------------|-----------------------|------------|---------|
| 3 | Xây dựng 10 phòng học lầu và hạng mục phụ san lắp mặt bằng Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà | Đăng Hà | | 6.500 | | 3.600 | BQLDAĐTĐ | |
| 4 | Xây dựng 4 phòng học (điểm Bù Xa) Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn | Phước Sơn | | 2.400 | | 1.600 | BQLDAĐTĐ | |
| 5 | Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất | Thống Nhất | | 30.000 | | 10.000 | BQLDAĐTĐ | |
| 6 | Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 6) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai | Đồng Nai | | 600 | | 600 | BQLDAĐTĐ | |
| 7 | Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nhau | Đăk Nhau | | 6.000 | | 3.600 | BQLDAĐTĐ | |
| b | Lĩnh vực giao thông | | | 3.000 | - | 2.000 | | |
| 1 | Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thôn 3, xã Minh Hưng (giai đoạn 2) | Minh Hưng | | 3.000 | - | 2.000 | BQLDAĐTĐ | |
| c | Lĩnh vực hành chính | | | 17.000 | - | 7.500 | | |
| 1 | Xây dựng Trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới | Bom Bo | | 17.000 | - | 7.500 | BQLDAĐTĐ | |
| C | VỐN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP XÃ (theo tỷ lệ phân chia ngân sách) | | | | | 14.600 | | |
| 1 | xã Đoàn Kết | | | | | 1.104 | | |
| 2 | xã Minh Hưng | | | | | 1.200 | | |
| 3 | xã Nghĩa Trung | | | | | 1.040 | | |
| 4 | xã Thọ Sơn | | | | | 640 | | |
| 5 | xã Thống Nhất | | | | | 1.760 | | |
| 6 | xã Đồng Nai | | | | | 480 | | |
| 7 | xã Đăk Nhau | | | | | 1.040 | | |
| 8 | xã Đức Liễu | | | | | 1.600 | | |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Số, ngày, tháng, năm quyết định | Tổng mức đầu tư | Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020 | Kế hoạch vốn năm 2021 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----|----------------|-------------------|---------------------------------|-----------------|------------------------------------|-----------------------|------------|---------|
| 9 | xã Đăng Hà | | | | | 400 | | |
| 10 | xã Bom Bo | | | | | 2.080 | | |
| 11 | xã Phước Sơn | | | | | 320 | | |
| 12 | xã Phú Sơn | | | | | 320 | | |
| 13 | xã Nghĩa Bình | | | | | 440 | | |
| 14 | xã Bình Minh | | | | | 1.136 | | |
| 15 | xã Đường 10 | | | | | 1.040 | | |

